

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Dự thảo) QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh lộc, tỉnh Thanh Hóa
đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070
(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng năm 2019)

Thanh Hóa, tháng năm 2019

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện
Vĩnh lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070”**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số...../SXD-QH ngày...../..../2019 về việc phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.

Điều 2. Sở Xây dựng Thanh Hoá, UBND huyện Vĩnh lộc, các Sở, ngành chức năng liên quan có trách nhiệm hướng dẫn và triển khai tổ chức thực hiện quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh lộc; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3/QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN ()

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh lộc, tỉnh Thanh
Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện

- Bản Quy định này quy định việc sử dụng đất đai, quản lý xây dựng phát triển đô thị, nông thôn trong huyện Vĩnh lộc theo đúng đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 đã được phê duyệt tại quyết định số/QĐ-UBND, ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Vĩnh lộc đều phải thực hiện theo đúng Quy định này.

- UBND huyện Vĩnh lộc phối hợp với các Sở, ngành chức năng liên quan để hướng dẫn chủ đầu tư, các tổ chức thực hiện đầu tư, xây dựng đảm bảo tuân thủ theo đúng Quy định này.

- Ngoài những quy định trong văn bản này, việc quản lý xây dựng đô thị còn phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những quy định tại văn bản này phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi ranh giới:

Toàn bộ địa giới hành chính huyện Vĩnh Lộc, bao gồm 16 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 15 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Thạch Thành;
- Phía Nam giáp huyện Yên Định;
- Phía Tây giáp huyện Cẩm Thủy;

- Phía Đông là huyện Hà Trung.

- Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: 157,72 km².

2. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch khoảng 85.024 người;

- Đến năm 2030, dân số toàn huyện khoảng 98.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 42.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42,8%.

- Đến năm 2040, dân số toàn huyện khoảng 110.500 người, trong đó dân số đô thị khoảng 49.500 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 44,8%.

3. Quy mô đất đai:

- Đất xây dựng đô thị: Đến năm 2030 khoảng 550-670ha; đến năm 2040 khoảng: 645-795ha.

- Đất Cụm công nghiệp: Đến năm 2030 khoảng 72,83 ha; đến năm 2040 ổn định diện tích như năm 2030 khoảng 72,83 ha.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định về các vùng phát triển:

Các phân vùng phát triển và các vùng kiểm soát phát triển được xác định theo quy hoạch vùng được duyệt, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

- Vùng phát triển: các vùng phát triển được xác định theo đồ án quy hoạch vùng được duyệt, là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất theo từng thời kỳ 2020-2025, 2025-2030, 2030-2040. Trong quá trình phát triển, đất chưa khai thác đến vẫn được sử dụng như hiện trạng, tránh sáo trộn về công ăn việc làm, ảnh hưởng đến an sinh xã hội.

- Vùng hạn chế phát triển: Bao gồm các khu vực nông thôn, các khu vực canh tác nông nghiệp. Khu vực này chủ yếu giữ nguyên hiện trạng, phát triển các khu chức năng đặc thù, các điểm dân cư nông thôn theo nhu cầu thực tế để góp phần giữ ổn định diện tích đất nông nghiệp, tạo các nêm xanh quanh các khu vực đô thị để kiểm soát đô thị hóa, gìn giữ môi trường.

- Vùng cấm phát triển: bao gồm khu vực các di tích, bao gồm tất cả các di tích đã được và chưa được công nhận; các khu vực núi có di tích và danh thắng như: núi Đún, núi Kim Sơn, núi Xuân Đài...; các khu vực bảo vệ cảnh quan thiên

nhiên sông núi..

2. Quy định về các không gian phát triển kinh tế:

a) Không gian phát triển công nghiệp:

Giai đoạn đến năm 2030 giữ nguyên các cụm công nghiệp theo Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp toàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thuận lợi cho việc quản lý và thực hiện, giai đoạn sau năm 2030 điều chỉnh lại quy mô cho phù hợp với diện tích các CCN đã lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

Đến năm 2040, tổng diện tích các cụm công nghiệp trên địa bàn khoảng 72,83ha, bao gồm:

+ CNN Vĩnh Hòa: diện tích 42,83ha (điều chỉnh tăng 7,83ha);

+ CNN Vĩnh Minh: diện tích 30,00ha;

Dự kiến các CCN sẽ thu hút khoảng 8.000 lao động, ưu tiên sử dụng lao động người địa phương.

Chiến lược dài hạn các cụm công nghiệp gắn với cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề như làng Mai xã Vĩnh Minh, làng nghề đan chao đèn lồng xã Vĩnh Hòa ... nhằm tạo ra các sản phẩm gắn liền với phát triển du lịch.

Đến 2040 đưa thêm khu vực sản xuất và chế tác đá mỹ nghệ tại thôn 9, xã Vĩnh Thịnh trở thành khu vực làng nghề chế tác đá mỹ nghệ.

- Quy định về dải cách ly vệ sinh:

Tùy theo mức độ độc hại về môi trường, giữa các công trình công nghiệp và khu dân cư phải có dải cách ly vệ sinh. Chiều rộng dải cách ly phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo tiêu chuẩn môi trường Việt nam.

Trong dải cách ly vệ sinh, tối thiểu 50% diện tích đất phải được trồng cây xanh và không quá 40% diện tích đất có thể được sử dụng để bố trí bãi đỗ xe, trạm bơm, trạm xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn.

- Quy định về bãi phế liệu, phế phẩm:

Bãi phế liệu, phế phẩm công nghiệp phải được rào chắn và không làm ảnh hưởng xấu tới điều kiện vệ sinh của các xí nghiệp xung quanh và không làm nhiễm bẩn môi trường. Bãi chứa các phế liệu nguy hiểm (dễ gây cháy nổ, dịch bệnh...) phải có biện pháp xử lý các chất độc hại và đảm bảo khoảng cách ly.

b. Không gian phát triển du lịch:

- Phát triển du lịch phải đảm bảo cân bằng sinh kế cho người dân, đảm bảo điều kiện sống cho các đối tượng khác nhau trong xã hội (bao gồm cả khách du lịch, lao động phục vụ, các thành phần dân số không chính thức...)

- Phát triển du lịch phải gắn liền với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, gìn giữ các không gian xanh ven sông, rừng phòng hộ, đảm bảo phát

triển bền vững.

- Đối với các khu du lịch, khi có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phải có quy định cụ thể về hình thức kiến trúc cho từng khu vực. Yêu cầu các khu vực phải có hình thức kiến trúc đồng nhất.

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Hệ thống đô thị:

Hệ thống đô thị huyện Vĩnh Lộc dự kiến phát triển theo 02 giai đoạn:

- Định hướng đến năm 2030: huyện Vĩnh Lộc có 02 đô thị, dân số đô thị 42.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 42,8% . Nhu cầu đất xây dựng đô thị 550-670 ha, bao gồm:

- Thị trấn Vĩnh Lộc: phạm vi ranh giới bao gồm thị trấn Vĩnh Lộc hiện tại, xã Vĩnh Thành và xã Vĩnh Phúc với tổng diện tích 1.514,90ha. Dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 20.000 người. Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện. Là đô thị cận di sản, hỗ trợ phát triển giá trị di sản thế giới; trung tâm dịch vụ thương mại gắn và dịch vụ du lịch.

- Đô thị Bồng: phạm vi ranh giới bao gồm các xã: Vĩnh Hùng (1.981,11ha), Vĩnh Tân (674,06ha), Vĩnh Minh (684,03ha) với tổng diện tích 3.339,20ha. Dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 22.000 người. Là đô thị loại V, trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ thương mại, tiểu thủ công nghiệp có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tiểu vùng phía Đông sông Bưởi.

- Giai đoạn đến năm 2040: Ổn định số lượng và quy mô diện tích tự nhiên của các đô thị này như giai đoạn 2030. Dự báo quy mô dân số đô thị toàn huyện là 49.500 người. Trong đó thị trấn Vĩnh Lộc khoảng 24.000 người, đô thị Bồng khoảng 25.500 người. Tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện **khoảng 44,8%** nhu cầu đất xây dựng đô thị **645 - 795ha**.

2. Khu vực nông thôn:

- Hạn chế phát triển dàn trải các khu dân cư mới, phát triển các điểm dân cư nông thôn cân bằng với nhu cầu thực tế, theo định hướng quy hoạch nông thôn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, sản xuất quy mô lớn, an toàn, ứng dụng hiện đại hóa trong nông nghiệp để phục vụ cho các thị trường lớn trong và ngoài tỉnh. Định hướng đến năm 2040 Sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp an toàn, quy mô lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng cây, con có giá trị kinh tế cao, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, tăng hiệu quả sử dụng đất.

Xây dựng các nông trại, vườn cây ăn quả lâu năm, các làng nghề kết hợp để phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dã ngoại.

Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực như: Lúa chất lượng cao, cây ăn quả, ngô; cây xuất khẩu (ớt, măng tây); rau, quả (sản phẩm an toàn). Đặc biệt chú trọng phát triển các loại cây có tính đặc sản tạo ra sản phẩm gắn với phát triển du lịch có giá trị kinh tế cao như: Sâm Báo, Củ Ấu, Dưa Don...

Điều 5: Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

1. Y tế:

Định hướng đến năm 2040, nhu cầu về Y tế cần khoảng: 400 giường bệnh, quy mô diện tích tối thiểu khoảng 2,0 ha. Nâng cấp các cơ sở y tế đã và đang xây dựng hiện nay: Bệnh viện đa khoa huyện, phòng khám đa khoa khu vực Vĩnh Minh, Trung tâm y tế huyện Vĩnh Lộc đủ tiêu chuẩn phục vụ người dân theo các quy định của ngành y tế cùng thời điểm.

2. Giáo dục:

Ổn định 2 trường trung học phổ thông: THPT Vĩnh Lộc, THPT Tổng Duy Tân và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX hiện có.

Dành quỹ đất để mở rộng theo các giai đoạn khi có nhu cầu cụ thể (dự báo đến 2040 nhu cầu mở rộng khoảng 20% so với diện tích hiện trạng).

3. Văn hóa - thể thao:

Xây dựng Khu liên hợp thể thao cấp huyện đạt chuẩn theo quy định của bộ ngành.

Sân vận động hiện nay chuyển thành Quảng trường văn hóa.

Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa - Thể thao tại đô thị Bông phục vụ đô thị và cấp tiểu vùng.

Điều 6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Giao thông đường bộ

a) Đường bộ cao tốc Bắc Nam:

Thực hiện theo Quyết định số 326/QĐ-Ttg ngày 01/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc “*Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*”.

Đoạn tuyến đi qua huyện Vĩnh Lộc dài khoảng 1,5km. Quy mô đường 6 làn xe, Hành lang an toàn đường bộ 50m mỗi bên (bao gồm cả đường gom).

a) Quốc lộ:

- Quốc lộ 45

Điều chỉnh chuyên đoạn tuyến từ xã Vĩnh Ninh đi Vĩnh Khang thành đường nội bộ, đoạn tuyến còn lại tuân thủ theo quyết định 1316/QĐ-TTg ngày 12/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Cập nhật bổ sung đoạn tuyến từ dốc Lê xã Yên Thái huyện Yên Định vượt sông Mã vào Vĩnh Lộc trên địa bàn xã Vĩnh Khang theo quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/08/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Quy mô đường cấp III, 4 làn xe; Đoạn tuyến đi qua đô thị, khu dân cư xây dựng thêm đường gom.

- Quốc lộ 217

Điều chỉnh tuyến đi tránh vùng bảo tồn di sản thành nhà Hồ: Điểm đầu chỉnh tuyến từ thôn Quang Biểu, xã Vĩnh Hòa tuyến đi tiệm cận qua thôn 6, 7 và thôn 9 xã Vĩnh Hưng, qua sông Bưởi và nhập vào QL 217 quy hoạch tại khu nghĩa địa Bái Dân xã Vĩnh Long.

Quy mô tuyến đạt cấp III, 4 làn xe; Đoạn tuyến đi qua điểm đô thị, khu dân cư xây dựng thêm đường gom.

b) Đường tỉnh:

- Đường tỉnh 516B

Hướng tuyến được giữ nguyên. Nâng cấp mở rộng tuyến đạt quy mô đường cấp III, 4 làn xe.

- Đường tỉnh 522

Điều chỉnh chuyên đoạn tuyến từ thị trấn Vĩnh Lộc đến nút giao đê sông Bưởi quy hoạch thành đường nội bộ; Điều chỉnh hướng tuyến từ cuối thôn 6 xã Vĩnh Hưng, tuyến đi vào đường hiện có nối thôn 5 và thôn 1 xã Vĩnh Hưng và đi huyện Thạch Thành theo hướng tuyến cũ. Đoạn còn lại của đường tỉnh chuyển thành đường nội bộ.

Quy mô tuyến nâng cấp đạt quy mô đường cấp III, 4 làn xe.

- Đường tỉnh 523C:

Hướng tuyến được giữ nguyên, nâng cấp đạt quy mô đường cấp IV, 2 làn xe.

c) Đường huyện:

- Hoàn chỉnh hệ thống tuyến đường huyện hiện có. Nâng cấp, mở rộng, quy mô tối thiểu đạt cấp IV, cấp V, 2 làn xe.

- Đầu tư xây dựng mới thêm 03 tuyến: DH-VL.09, DH-VL.11, DH-VL.12; Quy mô đường cấp IV, 2 làn xe

d) Đường trục xã, đường đô thị:

Đường trục xã: Tùy vào điều kiện cụ thể từng khu vực để nâng cấp mở rộng tuyến cho phù hợp, Quy mô tối thiểu đạt đường cấp V, 2 làn xe.

Đường đô thị: Quy mô mặt cắt ngang tuân thủ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Đường đê kết hợp với giao thông:

Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng mặt đường đảm bảo nhu cầu đi lại, giao lưu văn hóa, kinh tế, an ninh quốc phòng.

f) Phạm vi bảo vệ đường bộ:

Đối với đường ngoài đô thị: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

+ Đối với đường đô thị: Tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

g) Bến xe khách:

- Bến xe khách Vĩnh Tiến hiện tại được chuyển về phía Nam, tại xã Vĩnh Ninh. Xây dựng bến xe loại 4, diện tích xây dựng 3.000 m²

- Xây dựng bến xe mới tại xã Vĩnh Hùng; Quy mô bến xe loại 5, diện tích xây dựng tối thiểu 2.000 m².

h) Đường thủy nội địa

- *Tuyến sông Mã*

+ Đoạn tuyến ĐTNĐ từ ngã ba Vĩnh Khang (giao giữa sông Mã và sông Bưởi) đến ngã ba Bông (Vĩnh An): Chiều dài 19km, ĐTNĐ cấp 4; Tải trọng tối đa tàu thuyền lưu thông 100 tấn.

+ Đoạn tuyến ĐTNĐ từ ngã ba Vĩnh Khang (giao giữa sông Mã và sông Bưởi) đến thủy điện Cẩm Thủy: Chiều dài 61.5km; ĐTNĐ cấp V; Tải trọng tàu thuyền tối đa lưu thông 50 tấn.

- *Tuyến sông Bưởi*

Đoạn tuyến từ ngã ba Vĩnh Khang (giao giữa sông Mã và sông Bưởi) đến Kim Tân chiều dài 25,5 km; ĐTNĐ cấp IV. Tải trọng tối đa tàu thuyền lưu thông 100 tấn.

- Phạm vi bảo vệ đường thủy:

Tuân thủ các quy định của Luật Đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 về việc Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đường thủy nội địa

2. Hệ thống cấp nước:

a) Nguồn và mạng lưới cấp nước: theo định hướng quy hoạch vùng được phê duyệt và các yêu cầu phát triển thực tế.

b) Các yêu cầu bảo vệ nguồn nước:

- Cấm xả nước thải, tắm giặt, bắt cá, chăn thả trâu bò; cấm sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và các loại phân khoáng để bón cây, quanh khu vực nguồn cấp nước.

- Nhà máy, nhà ở, khu dân cư phải được xây dựng hoàn thiện (có hệ thống cấp nước, thoát nước bẩn và nước mưa...) để bảo vệ đất và nguồn nước khỏi bị ô nhiễm; nước thải sản xuất và sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước phải được làm sạch đảm bảo yêu cầu vệ sinh; cấm đổ phân, rác, phế thải công nghiệp, hóa chất độc làm nhiễm bẩn nguồn nước và ô nhiễm môi trường.

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ công trình khai thác nước sinh hoạt tập trung đến nghĩa trang hung táng là 5.000m, đến nghĩa trang cát táng là 3.000 m.

- Các trạm xử lý nước thải cách phải cách công trình lấy nước ngầm ít nhất 300m.

- Các nhà máy nước phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

3. Hệ thống cấp điện:

a) Nguồn và mạng lưới cấp điện: theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và các yêu cầu phát triển thực tế.

b) Chiếu sáng:

- Quy định về chiếu sáng chức năng: Hệ thống chiếu sáng đường đảm bảo tỷ lệ 100% mạng lưới đường đô thị, 80-90% ngõ xóm được chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả. Xây dựng hệ thống điều khiển trung tâm cho chiếu sáng đường, khuyến khích điều kiện đến từng vị trí đèn. Phát triển các công nghệ mới cho chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm năng lượng như đèn dùng pin mặt trời, đèn LED. Không sử dụng các loại đèn hiệu suất thấp cho chiếu sáng đô thị như đèn sợi đốt, đèn thủy ngân cao áp.

- Quy định về chiếu sáng cảnh quan: Trung tâm hành chính, chính trị, phố

thương mại, di tích có giá trị, công trình cao tầng điểm nhấn, quảng trường và không gian mở gắn với hoạt động có đông người phải được chiếu sáng cảnh quan.

- Khuyến khích chiếu sáng lễ hội theo ngày lễ, dịp lễ, ngày nghỉ cuối tuần tại khu vực thương mại và giải trí, khu sinh hoạt cộng đồng tập trung đông người. Chiếu sáng thông tin tín hiệu, quảng cáo tại các tuyến phố chính hướng tâm vào đô thị.

c) Quản lý hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải đi ngầm;

- Quy định về khoảng cách an toàn tối thiểu từ công trình xây dựng khác đến: Trạm biến áp đến 35KV là 3,0m; trạm biến áp đến 66, 110KV là 4,0m; Trạm biến áp đến 220KV là 6,0m.

4. Hệ thống thoát nước thải:

a) *Định hướng hệ thống thu gom*: Theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và các yêu cầu phát triển thực tế.

- Hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn: Áp dụng cho khu vực xây mới, các cụm công nghiệp tập trung. Khuyến khích áp dụng cho toàn bộ các khu vực khác.

- Hệ thống thoát nước thải kiểu nửa riêng: Áp dụng cho khu vực trung tâm (đây là khu vực hiện đang sử dụng hệ thống công chung, không có khả năng xây dựng hệ thống công riêng). Cho phép áp dụng kiểu nửa riêng với những khu vực ngoại thị, tùy theo tính chất và điều kiện thực hiện.

c) Định hướng hệ thống xử lý:

Quy định về thu gom, xử lý, khoảng cách cách ly hệ thống thoát nước thải phải thực hiện theo quy chuẩn Quốc gia các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Cụ thể:

- Nước thải cụm công nghiệp tập trung, bệnh viện phải được xử lý riêng, đạt tiêu chuẩn mới được xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải công nghiệp phân tán, cơ sở y tế phải được xử lý và kiểm soát đạt tiêu chuẩn tương đương nước thải sinh hoạt trước khi thải ra công thoát nước thải bên ngoài.

- Lưu lượng, chất lượng nước thải tại điểm xả thải phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

d) Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu:

- Đối với trạm bơm: 15 - 30m.
- Đối với trạm xử lý nước thải: 100 - 1000m.
- Trong phạm vi cách ly môi trường, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

5. Hệ thống xử lý chất thải rắn:

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại.

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu:

+ Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh là 1000m; Bãi chôn lấp vô cơ là 100m; Nhà máy xử lý CTR là 500m; Điểm, trạm trung chuyển CTR là 25m

+ Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường cần quản lý chặt chẽ, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

6. Hệ thống nghĩa trang:

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hung táng, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy.

- Khoảng cách ly vệ sinh môi trường đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, cụ thể:

+ Đối với nghĩa trang có hung táng: tối thiểu là 1500m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng; tối thiểu là 500m nếu có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng.

+ Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần: tối thiểu là 500m.

+ Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100m.

+ Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500m tính từ ống khói lò hỏa táng.

- Đối với nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100m; đến chợ, trường học, bệnh viện là 200m. Phải có khuôn viên tối thiểu là 10.000m².

Điều 7. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Định hướng phát triển

Địa hình, cảnh quan (bao gồm không gian, độ cao, cơ sở hạ tầng, kiểu thức kiến trúc, sắc thái, bố cục, màu sắc và những không gian trống): phải được bảo tồn theo các yếu tố gốc của di tích, danh thắng. Việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ, phát triển, sử dụng di tích, thắng cảnh phải tuân thủ nghiêm ngặt Luật Di sản văn hóa, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật bảo vệ môi trường, các quy định về quản lý đô thị, các quy định pháp luật khác có liên quan và theo Quy định này.

2. Về tổ chức không gian

a) Quản lý chặt chẽ việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

b) Khu vực bảo vệ di tích: thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

3. Về kiến trúc

a) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng: Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, đảm bảo thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Mọi hoạt động kinh doanh trong các khu bảo vệ di tích (đặc biệt là trong phạm vi khu vực bảo vệ I) phải đảm bảo mỹ quan và được cơ quan thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh mới được tiến hành.

b) Nghiêm cấm xây dựng các công trình xây chen, các công trình tạm, công trình, tranh tre, nứa lá, nhà ở, hàng quán tạm bợ trong khu vực quy hoạch công trình di tích lịch sử-văn hóa, danh lam - thắng cảnh.

4. Về cảnh quan

Tổ chức cảnh quan xung quanh các di tích sao cho hài hòa và tôn tạo được các giá trị của di tích, tạo được cảnh quan thích hợp với các hoạt động của người tham quan di tích.

5. Quản lý và cấp phép xây dựng

a) Khu vực bảo vệ I: không xây dựng các công trình kiến trúc mới. Ngoài việc tu bổ các công trình di tích đã bị xuống cấp, chỉ xây dựng bia biển chỉ dẫn, giới thiệu di tích. Các hạng mục này không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích, đảm bảo mỹ quan và được bố trí hợp lý. Đối với các công trình quan trọng trong các khu vực bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh, UBND huyện cần tổ chức hội nghị tư vấn, phản biện khi xem xét để quyết định cho phá dỡ, xây dựng mới, sửa chữa, tu bổ. Đối với các hạng mục công trình trong di tích đã bị phá hủy hoàn toàn nhưng có giá trị về mặt lịch sử-văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và có đầy đủ tư liệu khoa học thì có thể được phục hồi hoặc tiến hành bảo tồn khảo cổ, kết hợp trồng cây xanh tạo hình nền để thấy được vị trí, quy mô công trình, cũng như quy mô tổng thể.

b) Khu vực bảo vệ II: xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc phát huy giá trị của di tích (khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển du lịch, nghiên cứu, giáo dục, đào tạo ...) với hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng phù hợp, hài hòa với di tích, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến di tích gốc. Hạn chế xây dựng công trình cao tầng xung quanh khu vực bảo vệ I.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
 - Hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật về xây dựng, đất đai đến các chủ thể tham gia hoạt động liên quan đến quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị; quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền do Sở quản lý.
 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất.
2. UBND huyện Vĩnh lộc:
 - Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định quản lý.
 - Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, cá nhân, cơ quan có liên quan và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.
 - Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị của UBND huyện kiểm tra thường xuyên, phát hiện, ngăn chặn các vi phạm và thực hiện các chức năng khác theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có khó khăn, vướng mắc thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý này cho phù hợp.

Điều 9. Khen thưởng, xử phạt

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuyên truyền, phổ biến, thực hiện quy định quản lý này sẽ được biểu dương, khen thưởng.

2. Mọi vi phạm các điều, khoản của Quy định này, tùy theo mức độ, tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành./.

CHỦ TỊCH